

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án điều tra thu thập thông tin phục vụ biên soạn
chỉ tiêu Tốc độ tăng Tổng giá trị sản phẩm của xã, phường
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê
ngày 12 tháng 11 năm 2021;*

*Căn cứ Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng
Chính phủ về việc tăng cường công tác thống kê Nhà nước;*

*Căn cứ Công văn số 12067/BTC-CTK ngày 07/8/2025 của Bộ Tài chính
về việc sử dụng 02 bộ chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội phục vụ xây dựng
Nghị quyết đại hội đảng bộ cấp tỉnh, cấp xã;*

*Theo đề nghị của Trưởng Thống kê tỉnh tại Tờ trình số 382/TTr-TKT ngày
16/12/2025 về việc đề nghị ban hành Phương án điều tra thu thập thông tin
phục vụ biên soạn chỉ tiêu Tốc độ tăng Tổng giá trị sản phẩm của xã, phường
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án điều tra thu thập thông tin phục vụ biên soạn chỉ tiêu Tốc độ tăng Tổng giá trị sản phẩm của xã, phường (viết gọn là *cấp xã*) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Giao Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Phương án điều tra bảo đảm tiến độ thời gian, chất lượng và đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Thống kê tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê - Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Lh/QĐ.483/20b

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Linh



PHƯƠNG ÁN

Điều tra thu thập thông tin phục vụ biên soạn chỉ tiêu Tốc độ tăng Tổng giá trị sản phẩm cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích

Điều tra thu thập thông tin để biên soạn chỉ tiêu Tốc độ tăng Tổng giá trị sản phẩm cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây viết gọn là điều tra tổng giá trị sản phẩm) nhằm:

- Thu thập thông tin để tính toán, biên soạn chỉ tiêu Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm của các xã, phường trên địa bàn tỉnh.
- Phục vụ công tác quản lý, điều hành, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các xã, phường và của tỉnh Thái Nguyên.
- Cập nhật hệ thống thông tin, dữ liệu thống kê, đáp ứng yêu cầu so sánh, đánh giá, phân tích xu hướng phát triển và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.

2. Yêu cầu

- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu phải được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập và xử lý thông tin.
- Đảm bảo thông tin điều tra đầy đủ, kịp thời, chính xác, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.
- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng chế độ tài chính hiện hành.
- Bảo mật thông tin thu thập theo quy định của Luật Thống kê.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra trong các khu vực: (1) Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; (2) Khu vực công nghiệp, xây dựng; (3) Khu vực dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ công, ngân hàng, bảo hiểm...); được tiến hành trên phạm vi 92 xã, phường của tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng và đơn vị điều tra

2.1. Đối với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản

*** Ngành nông nghiệp:**

- Điều tra chăn nuôi:

+ Đối tượng điều tra là các vật nuôi: trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngan và một số vật nuôi khác (ngựa, dê, cừu,...).

+ Đơn vị điều tra là các doanh nghiệp, hợp tác xã (viết tắt là DN, HTX), hộ (bao gồm cả trang trại) có thu hoạch sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra.

- Điều tra năng suất, sản lượng cây nông nghiệp:

+ Đối tượng điều tra là các loại cây hàng năm, cây lâu năm có thu hoạch sản phẩm trong kỳ điều tra.

+ Đơn vị điều tra là các hộ sản xuất, DN, HTX có diện tích thu hoạch sản phẩm cây hàng năm và cây lâu năm trong kỳ điều tra.

*** Ngành lâm nghiệp:**

- Đối tượng điều tra là diện tích rừng trồng được chăm sóc, gổ, củi và sản phẩm thu nhật khác, giống cây lâm nghiệp thu hoạch được trong kỳ điều tra.

- Đơn vị điều tra là các hộ và cộng đồng (tổ, thôn, xóm) được giao quản lý rừng (cây trồng mới, chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ, khai thác), đơn vị quản lý rừng; DN/HTX lâm nghiệp; hộ chuyên sản xuất cây giống lâm nghiệp.

*** Ngành thủy sản:**

- Đối tượng điều tra là các loại thủy sản (cá, tôm, thủy sản khác, giống thủy sản) được nuôi trồng của các đơn vị điều tra.

- Đơn vị điều tra là các thôn, tổ dân phố, DN, HTX, hộ nuôi trồng thủy sản ở lồng, bè, hồ, ao/ruộng có diện tích được thu hoạch trong kỳ điều tra.

2.2. Đối với khu vực công nghiệp, xây dựng

*** Ngành công nghiệp:**

Đối tượng điều tra là các cơ sở SXKD có hoạt động sản xuất công nghiệp. Đơn vị điều tra là các DN, HTX, các chi nhánh, cơ sở SXKD cá thể có hoạt động sản xuất công nghiệp và trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp thuộc danh mục điều tra.

*** Ngành xây dựng:**

- Đối tượng điều tra là các doanh nghiệp hạch toán độc lập có hoạt động xây dựng; các xã, phường và các hộ dân cư có đầu tư xây dựng trong năm.

- Đơn vị điều tra là các doanh nghiệp có hoạt động xây dựng; ủy ban nhân dân xã/phường có các công trình xây dựng do dân tự xây dựng hoặc thuê cơ sở xây dựng thi công; hộ dân cư có công trình xây dựng tự làm hoặc thuê cơ sở xây dựng thi công.

2.3. Đối với khu vực thương mại, dịch vụ

- Đối tượng điều tra là các cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa; kinh doanh vận tải, kho bãi; dịch vụ lưu trú, ăn uống; du lịch; thông tin và truyền thông; kinh doanh bất động sản; chuyên môn khoa học và công nghệ; hành chính và dịch vụ hỗ trợ; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; nghệ thuật, vui chơi và giải trí; dịch vụ khác.

- Đơn vị điều tra là các DN, chi nhánh DN; HTX, cơ sở cá thể.

Quy ước: Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể tính theo ngành sản xuất kinh doanh chính của cơ sở và cơ sở đóng tại địa bàn nào thì tính cho địa bàn đó.

2.4. Đối với các đơn vị đặc thù

- Điều tra hoạt động tài chính ngân hàng, bảo hiểm:

+ Các tổ chức tín dụng (ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân) hoạt động trên địa bàn tỉnh.

+ Các tổ chức, DN hoạt động ngành bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ và tái bảo hiểm.

- Điều tra cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập ngoài ngành Giáo dục và Y tế.

+ Cơ quan Đảng: Tỉnh ủy, Đảng ủy xã/phường;

+ Cơ quan Nhà nước: HĐND, UBND các cấp, Sở, ban ngành, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát...

+ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh;

+ Đơn vị sự nghiệp công lập ngoài ngành Giáo dục, Y tế trực thuộc các Sở, ban ngành.

- Điều tra đơn vị sự nghiệp Giáo dục, Y tế.

- Điều tra đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, tổ chức không vì lợi:

+ Cơ sở sự nghiệp ngoài công lập.

+ Tổ chức không vì lợi: Hiệp hội, tổ chức phi chính phủ, cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

1. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Điều tra toàn bộ đối với: Diện tích cây trồng nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản cấp xã, phường (sau đây gọi chung là xã); DN, HTX, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; trang trại chăn nuôi; hộ nuôi trồng thủy sản lồng bè. Hộ chuyên sản xuất, thuần dưỡng giống thủy sản, các hộ chuyên nuôi cá cảnh.

- Điều tra chọn mẫu: Các hộ trực tiếp sản xuất cây nông nghiệp; hộ chăn nuôi (mẫu cấp I); hộ nuôi trồng thủy sản ở ao, hồ.

2. Khu vực công nghiệp và xây dựng

Điều tra chọn mẫu: Doanh nghiệp, HTX công nghiệp và xây dựng theo ngành cấp II; cơ sở sản xuất cá thể theo từng nhóm ngành cấp II; xã, phường; hộ dân cư có hoạt động xây dựng.

3. Khu vực thương mại và dịch vụ

Điều tra chọn mẫu: Doanh nghiệp, HTX hoạt động ngành thương mại và dịch vụ theo ngành cấp II; cơ sở sản xuất cá thể theo từng nhóm ngành cấp II.

4. Khu vực các đơn vị đặc thù

Điều tra toàn bộ các tổ chức tín dụng, bảo hiểm, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đơn vị sự nghiệp, tổ chức không vì lợi.

IV. THỜI GIAN, THỜI KỲ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm, thời kỳ, thời gian điều tra

- *Thời điểm điều tra:*

+ Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: Điều tra theo mùa vụ. Riêng đối với điều tra chăn nuôi thực hiện vào thời điểm 01/10 hàng năm; đối với điều tra thủy sản thực hiện vào thời điểm 01/12 hàng năm.

+ Khu vực công nghiệp, xây dựng: Thực hiện vào thời điểm 01/10 hàng năm.

+ Khu vực dịch vụ: Thực hiện vào thời điểm 01/10 hàng năm.

+ Khu vực các đơn vị đặc thù:

✓ Phiếu tôn giáo tín ngưỡng: Thực hiện vào thời điểm 01/7 hàng năm.

✓ Các phiếu còn lại: Thực hiện vào thời điểm 01/10 hàng năm.

- *Thời kỳ thu thập thông tin:*

+ Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: Số liệu phát sinh thực tế trong từng vụ sản xuất.

+ Đối với các số liệu thu thập theo thời điểm: Được quy định cụ thể trong từng phiếu điều tra.

+ Đối với các số liệu thu thập theo thời kỳ: Số liệu năm trước năm điều tra; số liệu thực hiện 6 tháng, 9 tháng đầu năm và ước tính 6 tháng, 3 tháng cuối năm của năm điều tra, được quy định cụ thể trong từng phiếu điều tra.

- *Thời gian điều tra:* Thời gian thu thập thông tin trong 30 ngày tính từ thời điểm điều tra.

2. Phương pháp điều tra

Điều tra áp dụng hai phương pháp thu thập thông tin: Phương pháp điều tra thu thập thông tin trực tiếp (phiếu CAPI, CAWI, phiếu giấy) và gián tiếp (phiếu Webform):

+ Phương pháp điều tra trực tiếp áp dụng đối với các hộ, cơ sở cá thể, một số đơn vị thuộc khu vực các đơn vị đặc thù.

+ Phương pháp gián tiếp áp dụng đối với các DN, HTX, một số đơn vị thuộc khu vực các đơn vị đặc thù.

V. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, PHIẾU ĐIỀU TRA

Nội dung điều tra, quy trình chọn mẫu, số lượng mẫu, suy rộng kết quả điều tra và phiếu điều tra các ngành chi tiết theo các phụ lục đính kèm:

- Phụ lục 1: Điều tra ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản.
- Phụ lục 2: Điều tra ngành công nghiệp - xây dựng.
- Phụ lục 3: Điều tra ngành thương mại - dịch vụ.
- Phụ lục 4: Điều tra các đơn vị đặc thù (tài chính, ngân hàng, hành chính sự nghiệp, không vì lợi,...).

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Điều tra tổng giá trị sản phẩm sử dụng các danh mục và bảng phân loại thống kê sau:

1. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ;
2. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;
3. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.
4. Danh mục sản phẩm công nghiệp: Phát triển trên cơ sở Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ, NHẬP TIN VÀ TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

Thông tin được thực hiện trên phiếu điều tra ngay sau khi việc thu thập thông tin được hoàn thành ở từng đơn vị điều tra. Dữ liệu sau đó sẽ được kiểm tra, làm sạch và nghiệm thu bởi các giám sát viên (sau đây viết gọn là GSV) cấp tỉnh, GSV cơ sở.

2. Tổng hợp kết quả điều tra

Kết quả tổng hợp trên phần mềm chuyên dụng đối với phiếu điều tra điện tử CAPI, CAWI và nhập tin đối với phiếu điều tra giấy do Thống kê cơ sở và Thống kê tỉnh thực hiện để phục vụ việc biên soạn, tính toán chỉ tiêu Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã, phường.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH

Điều tra Tổng giá trị sản phẩm được thực hiện theo kế hoạch như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	Báo cáo, đề xuất chủ trương	Tháng 8-9/2025
2	Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện điều tra	Tháng 8-9 hàng năm
3	Xây dựng, hoàn thiện Phương án điều tra	Tháng 10-12/2025
4	Thẩm định Phương án điều tra	Tháng 12/2025
5	Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, biểu mẫu tổng hợp kết quả đầu ra	Tháng 12/2025 - Tháng 01/2026
6	Rà soát địa bàn, lập danh sách, chọn mẫu đơn vị mẫu điều tra	Trước thời điểm điều tra
7	Tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên; tập huấn nghiệp vụ điều tra	Hoàn thành trước thời điểm điều tra 05 ngày
8	Thu thập thông tin tại địa bàn	Quy định cụ thể trong từng loại phiếu điều tra
9	Công tác kiểm tra, giám sát	Trong quá trình điều tra
10	Nghiệm thu và xử lý, kiểm tra, làm sạch dữ liệu	10 ngày sau khi kết thúc điều tra
11	Tổng hợp kết quả điều tra	30 ngày sau khi kết thúc điều tra
12	Công bố kết quả biên soạn chỉ tiêu Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn cấp xã	Trong tháng 12 hàng năm

Thống kê tỉnh định kỳ hàng năm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, cập nhật các phụ lục (*Mục V - Nội dung điều tra, phiếu điều tra*) đảm bảo theo đúng hướng dẫn, quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chuẩn bị

1.1. Chọn mẫu, rà soát và cập nhật danh sách địa bàn điều tra

- Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chọn địa bàn điều tra, mẫu điều tra đảm bảo đại diện đến cấp xã.
- Thống kê tỉnh chủ trì, chỉ đạo công tác rà soát, cập nhật địa bàn điều tra, mẫu điều tra trên phạm vi toàn tỉnh theo đúng Phương án điều tra.
- Thống kê cơ sở tổ chức thực hiện việc rà soát, cập nhật đơn vị điều tra trên phạm vi xã, phường theo chỉ đạo của Thống kê tỉnh.
- Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp thực hiện các nội dung theo hướng dẫn của ngành Thống kê.

1.2. Tuyển chọn điều tra viên và giám sát viên

- Thống kê tỉnh hướng dẫn Thống kê cơ sở tuyển chọn điều tra viên (*sau đây viết gọn là ĐTV*) phục vụ công tác thu thập thông tin của cuộc điều tra, đảm bảo tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.
- Giám sát viên (GSV) là lực lượng thực hiện công việc giám sát các hoạt động của mạng lưới ĐTV; hỗ trợ chuyên môn cho GSV cấp dưới (nếu có) và các ĐTV trong suốt quá trình điều tra. GSV bao gồm: GSV cấp tỉnh và GSV cấp cơ sở.

1.3. Tập huấn nghiệp vụ

Công tác tập huấn nghiệp vụ điều tra được thực hiện ở cấp tỉnh và cấp cơ sở. Thời gian tập huấn tại mỗi cấp là 02 ngày.

- Cấp tỉnh: Thống kê tỉnh chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tập huấn cho các giảng viên cấp cơ sở; GSV cấp tỉnh và lãnh đạo các đơn vị thuộc Thống kê tỉnh.
- Cấp cơ sở: Thống kê cấp cơ sở chủ trì tổ chức tập huấn cho ĐTV và GSV cấp cơ sở.

1.4. Tài liệu điều tra

Tài liệu điều tra bao gồm: các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, phiếu điều tra và các tài liệu khác (nếu có). Thống kê tỉnh chủ động in và phân phối theo khối lượng thực tế cho các đơn vị bảo đảm đủ, đúng thời gian quy định.

2. Công tác điều tra thực địa

Thống kê tỉnh chủ trì, chỉ đạo thực hiện công tác điều tra thu thập thông tin tại địa bàn, đảm bảo tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra.

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: Kiểm tra, giám sát việc tổ chức các lớp tập huấn, thu thập thông tin của đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do đơn vị cung cấp,...

Hình thức kiểm tra, giám sát: Kiểm tra, giám sát trực tiếp công tác tập huấn và thu thập thông tin tại cơ sở.

Để đảm bảo chất lượng thông tin thu thập, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ngay trong quá trình thu thập thông tin, GSV thường xuyên cập nhật các vấn đề phát sinh và đôn đốc điều tra viên hoàn thành phiếu điều tra đúng tiến độ.

4. Nghiệm thu, tổng hợp, biên soạn và công bố số liệu

4.1. Nghiệm thu phiếu điều tra

Thống kê tỉnh chủ trì nghiệm thu phiếu điều tra trên phạm vi toàn tỉnh.

Thống kê cơ sở chủ trì nghiệm thu phiếu điều tra trên phạm vi xã/phường được phụ trách.

4.2. Tổng hợp thông tin

Thống kê tỉnh chủ trì, chỉ đạo Thống kê cơ sở kiểm tra, làm sạch, hoàn thiện dữ liệu điều tra, tổng hợp kết quả điều tra.

4.3. Biên soạn và công bố số liệu

Thống kê tỉnh chủ trì tổng hợp, biên soạn chỉ tiêu Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm của 92 xã, phường của tỉnh; tham mưu công bố số liệu trong tháng 12 hằng năm.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Thống kê tỉnh

Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau: Xây dựng kế hoạch thực hiện Phương án điều tra; tổ chức triển khai thực hiện Phương án điều tra trên địa bàn tỉnh: chọn mẫu đơn vị điều tra; chuẩn bị tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra; tổ chức tập huấn điều tra cấp tỉnh; tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát điều tra; nghiệm thu, kiểm tra, làm sạch, tổng hợp dữ liệu điều tra; tổng hợp và báo cáo kết quả điều tra; dự toán kinh phí điều tra; hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định. Hằng năm chủ trì rà soát, cập nhật phương pháp, danh sách mẫu điều tra và các công việc khác qua các phụ lục kèm theo Phương án.

5.2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

Phối hợp với Thống kê tỉnh thực hiện các nội dung trong Phương án điều tra theo chức năng nhiệm vụ được giao.

5.3. Ủy ban nhân dân xã, phường

Thực hiện sự chỉ đạo của Thống kê tỉnh và phối hợp chặt chẽ với Thống kê cơ sở trong công tác tổ chức, chỉ đạo và triển khai thực hiện cuộc điều tra. Chỉ đạo, tuyên truyền đến các doanh nghiệp, hợp tác xã; cơ sở cá thể, hộ gia đình trên địa bàn thực hiện cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời cho các điều tra viên thống kê theo quy định tại Điều 15 của Luật Thống kê.

5.4. Thống kê cơ sở

Tổ chức, chỉ đạo toàn diện cuộc điều tra trên địa bàn xã, phường được phân công từ khâu rà soát, cập nhật đơn vị điều tra; tuyển chọn; tập huấn cho ĐTV và GSV; thu thập thông tin; giám sát, kiểm tra; nghiệm thu phiếu điều tra, tổng hợp danh sách, dữ liệu điều tra....

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA

Kinh phí điều tra do ngân sách địa phương đảm bảo cho các hoạt động quy định trong Phương án điều tra này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Thống kê tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định của văn bản hiện hành, bảo đảm điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra này./.